

DOI: 10.58490/ctump.2025i87.3307

TÌNH HÌNH TIÊM NGỪA VACCINE HPV VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN CỦA HỌC SINH NỮ PHỔ THÔNG TẠI HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG NĂM 2024

Phan Đỗ Thúy Vy, Bùi Quốc An, Nguyễn Mỹ Hiền, Trần Trung Tín,
Trần Thị Thuý An, Nguyễn Thanh Vũ, Lê Uyên,
Huỳnh Trần Thảo Nhi, Lê Trung Hiếu*

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

Ngày nhận bài: 10/01/2025

Ngày phản biện: 03/4/2025

Ngày duyệt đăng: 25/5/2025

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Human papilloma virus (HPV) virus gây u nhú ở người nguyên nhân của bệnh truyền nhiễm lây qua đường sinh dục phổ biến trên thế giới. Trên thế giới, 11-12% dân số (tương đương 700-800 triệu người) hiện đang nhiễm HPV ở cả nam và nữ. Ở Việt Nam, tỷ lệ nhiễm HPV vào khoảng 8 -11% tùy vùng miền. Có ít nhất 50% phụ nữ đã nhiễm HPV 1 lần trong đời. Human papilloma virus (HPV) là nguyên nhân chính dẫn đến ung thư cổ tử cung tại Việt Nam năm 2020 - 2023 có 4132 ca mới mắc và 2223 ca tử vong. Mỗi ngày trôi qua, lại có thêm 7 phụ nữ Việt tử vong vì UTCTC. Tiêm chủng là biện pháp phòng ngừa chính chống lại nhiễm HPV và các bệnh liên quan. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định tỷ lệ tiêm ngừa vaccine HPV và tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến tiêm vaccine HPV của học sinh nữ phổ thông tại huyện Châu Thành, tỉnh An Giang năm 2024. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 560 đối tượng là học sinh nữ phổ thông tại huyện Châu Thành, tỉnh An Giang bằng phương pháp chọn mẫu nhiều giai đoạn. **Kết quả:** Tỷ lệ học sinh nữ phổ thông có tỷ lệ tiêm vaccine HPV là 6,6%; một số yếu tố liên quan đến tỷ lệ tiêm vaccine HPV bao gồm tuổi, dân tộc, tôn giáo, lớp, đặc điểm về gia đình, kiến thức, thái độ, sức khỏe sinh sản, tiếp cận với truyền thông ($p<0,05$). **Kết luận:** Nghiên cứu cho thấy tỷ lệ tiêm vaccine HPV phòng ngừa ung thư cổ tử cung ở học sinh nữ phổ thông còn khá thấp và chưa đầy đủ.

Từ khóa: Ung thư cổ tử cung, tiêm ngừa vaccine HPV, HPV, vaccine HPV, An Giang.

ABSTRACT

THE SITUATION OF HPV VACCINATION AND SOME RELATED FACTORS OF HIGH SCHOOL GIRLS IN CHAU THANH DISTRICT, AN GIANG PROVINCE IN 2024

Phan Do Thuy Vy, Bui Quoc An, Nguyen My Hien, Tran Trung Tin,
Tran Thi Thuy An, Nguyen Thanh Vu, Le Uyen,
Huynh Tran Thao Nhi, Le Trung Hieu*
Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: Human papillomavirus (HPV) is the causative agent of papillomas in humans and is a major cause of sexually transmitted infections worldwide. Globally, approximately 11-12% of the population (equivalent to 700-800 million people) are currently infected with HPV, including both men and women. In Vietnam, the HPV infection rate ranges from 8% to 11%, depending on the region. At least 50% of women are estimated to have been infected with HPV at least once in their lifetime. HPV is the leading cause of cervical cancer. In Vietnam, from 2020 to 2023, there were

4,132 newly diagnosed cases and 2,223 deaths from cervical cancer. Every day, an average of seven Vietnamese women dies from this disease. Vaccination is the primary and most effective method of preventing HPV infection and its related diseases. **Objectives:** To determine the HPV vaccination rate and learn some factors related to HPV vaccination of high school girls in Chau Thanh district, An Giang province in 2024. **Materials and methods:** The cross-sectional descriptive study was carried out on 560 subjects who were high school girls in Chau Thanh district, An Giang province by a multi-stage sampling method. **Results:** The percentage of high school girls with HPV vaccination rate was 6.6%; some factors related to HPV vaccination rates included age, ethnicity, religion, class, family characteristics, knowledge, attitudes, reproductive health, and access to the media ($p < 0.05$). **Conclusion:** Research shows that the HPV vaccination rate for cervical cancer prevention among high school girls is still quite low and incomplete.

Keywords: Cervical cancer, HPV vaccination, HPV, HPV vaccine, An Giang.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Human papilloma virus (HPV) virus gây u nhú ở người nguyên nhân của bệnh truyền nhiễm lây qua đường sinh dục phổ biến trên thế giới. Trên thế giới, 11-12% dân số (tương đương 700-800 triệu người) hiện đang nhiễm HPV ở cả nam và nữ [1]. Ở Việt Nam, tỷ lệ nhiễm HPV vào khoảng 8 -11% tùy vùng miền. Có ít nhất 50% phụ nữ đã nhiễm HPV 1 lần trong đời [1]. Human papilloma virus (HPV) là nguyên nhân chính dẫn đến ung thư cổ tử cung tại Việt Nam năm 2020 - 2023 có 4132 ca mới mắc và 2223 ca tử vong. Mỗi ngày trôi qua, lại có thêm 7 phụ nữ Việt tử vong vì UTCTC [2]. Tiêm chủng là biện pháp phòng ngừa chính chống lại nhiễm HPV và các bệnh liên quan. Tại Việt Nam một số nghiên cứu cho thấy tỷ lệ tiêm ngừa HPV còn thấp. Theo nghiên cứu của Lê Hữu Diễm Trinh “Thực hành và các yếu tố liên quan đến việc tiêm ngừa vắc xin HPV ở học sinh trung học phổ thông Long Mỹ tại xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang năm 2023” cho thấy tỷ lệ tiêm là 5,3% [3]. Nhiễm HPV là vấn đề sức khỏe cộng đồng quan trọng tại Việt Nam vì vậy, nghiên cứu “Tình hình tiêm ngừa vaccine HPV và một số yếu tố liên quan của học sinh nữ phổ thông tại huyện Châu Thành, tỉnh An Giang năm 2024” được tiến hành với 2 mục tiêu: 1) Xác định tỷ lệ tiêm ngừa vaccine HPV của học sinh nữ phổ thông tại huyện Châu Thành, tỉnh An Giang năm 2024. 2) Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến tiêm vaccine HPV của học sinh nữ phổ thông tại huyện Châu Thành, tỉnh An Giang năm 2024.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- Tiêu chuẩn chọn vào:

- + Học sinh nữ tại các trường THPT thuộc huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.
- + Học sinh nữ có mặt tại thời điểm thu mẫu và đồng ý tham gia nghiên cứu.

- Tiêu chuẩn loại ra:

- + Đối tượng gặp vấn đề sức khỏe ảnh hưởng giao tiếp.
- + Đối tượng vắng mặt tại thời điểm thu mẫu.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả có phân tích.

- **Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:**

Áp dụng công thức tính cỡ mẫu ước lượng một tỷ lệ:

$$n = \frac{Z^2 \cdot \alpha \rho (1-\rho)}{d^2}$$

Trong đó: $p=0,3987$: nghiên cứu của tác giả Phạm Minh Tuệ tại Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương năm 2021 thì tỷ lệ tiêm ngừa vaccine HPV trên sinh viên nữ khoa Xét nghiệm là 39,87%.[6]. Với $\alpha= 0,05$ (độ tin cậy 95%) thì $Z_{1-\frac{\alpha}{2}} = 1,96$; $d = 0,05$; Sử dụng hiệu ứng thiết kế (DE) bằng 1,5; Tính được $n=552$ mẫu. Trong thực tế quá trình nghiên cứu, chúng tôi đã nghiên cứu được 560 nữ học sinh.

Áp dụng phương pháp chọn mẫu nhiều giai đoạn:

+ Giai đoạn 1: Chọn trường bằng cách bốc thăm ngẫu nhiên 2/4 trường THPT tại huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Chọn được 2 trường (Trường THPT Cần Đăng và THPT Vĩnh Bình).

+ Giai đoạn 2: Chọn lớp: Tại mỗi trường chúng tôi chọn 280 học sinh. Tại mỗi trường có 3 khối lớp, chọn 4 lớp trên mỗi khối.

+ Giai đoạn 3: Chọn học sinh nữ từng lớp: Tại mỗi lớp chọn toàn bộ học sinh nữ thỏa tiêu chuẩn chọn mẫu để phát phiếu tự điền.

- **Nội dung nghiên cứu:**

+ Thu thập dữ liệu dựa trên bộ câu hỏi xây dựng sẵn về đặc điểm chung như tuổi, dân tộc, tôn giáo, lớp, đặc điểm về gia đình, tỷ lệ tiêm ngừa vaccine HPV và một số yếu tố liên quan đến việc tiêm ngừa. Một số yếu tố liên quan đến việc tiêm ngừa bao gồm kiến thức, thái độ, sức khỏe sinh sản, tiếp cận truyền thông. Quy ước điểm và phương pháp đánh giá: trả lời đúng một câu sẽ được tính 1 điểm, nếu không biết hoặc trả lời sai là 0 điểm, Đánh giá kiến thức đúng khi trả lời đúng 6/11 câu hỏi, đánh giá thái độ chung đúng khi trả lời 3/5 câu hỏi. Đánh giá tỷ lệ tiêm đánh giá trên tình trạng đã tiêm vaccine HPV cho bản thân (bao gồm đã tiêm đầy đủ mũi và đang trong lịch tiêm ngừa).

+ Dữ liệu được nhập và xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0. Kết quả nghiên cứu được mô tả bằng bảng tần suất và tỷ lệ phần trăm, biểu đồ; phân tích một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ, sức khỏe sinh sản và tiếp cận truyền thông bằng phép kiểm χ^2 (Chi square test) khoảng tin cậy 95%, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

- **Đạo đức trong nghiên cứu:** Nghiên cứu được chấp thuận của Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Số: 23.082.SV/PCT-HĐĐĐ. Ngày chấp thuận (cho phép): 25/12/2023.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thông tin chung

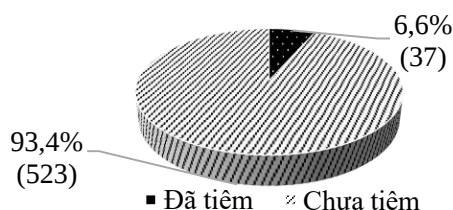
Bảng 1. Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm chung		Tần số (n=560)	Tỷ lệ (%)
Tuổi	< 18 tuổi	369	65,9
	≥ 18 tuổi	191	34,1
Lớp	10	199	35,5
	11	174	31,1
	12	187	33,4
Dân tộc	Kinh	549	98,0
	Khác (Khmer, Hoa, Tày)	11	2,0
Tôn giáo	Đạo phật	394	70,4
	Hòa Hảo	94	16,8
	Không biết	39	7,0
	Thiên chúa giáo (Công giáo)/Tin lành	23	4,1

Đặc điểm chung		Tần số (n=560)	Tỷ lệ (%)
Hoàn cảnh sống	Cao Đài	10	1,8
	Một mình	6	1,1
	Ba mẹ	485	86,6
	Người giám hộ	69	12,3
Tình trạng kinh tế	Không nghèo	20	3,6
	Nghèo/Cận nghèo	540	96,4
Tiền sử gia đình có người mắc HPV	Có	9	1,6
	Không	551	98,4
Đối tượng đã quan hệ tình dục	Chưa từng QHTD	557	99,5
	Đã có QHTD	3	0,5
Đối tượng đã từng nghe các thông tin về tiêm vaccine HPV phòng bệnh UTCTC	Có	262	46,8
	Không	298	53,2

Nhận xét: Số lượng nữ sinh tham gia cao nhất ở lớp 10 (35,5%) và thấp nhất ở lớp 11 (31,1%). Đa số dưới 18 tuổi (65,9%) và thuộc dân tộc Kinh (98%). Tôn giáo chiếm ưu thế là Phật giáo (70,4%), đa phần sống với người thân (86,6%) và có kinh tế không nghèo (96,4%). Phần lớn đối tượng chưa quan hệ tình dục (99,5%) và ít nghe thông tin về tiêm vaccine HPV (53,2%).

3.2. Tỷ lệ tiêm ngừa vaccine HPV trên học sinh nữ phổ thông tại huyện Châu Thành, tỉnh An Giang



Biểu đồ 1. Tỷ lệ tiêm vaccine HPV của đối tượng

Nhận xét: Tỷ lệ đã tiêm vaccine HPV của học sinh nữ tại hai trường THPT là 37 đối tượng chiếm 6,6% còn tỷ lệ chưa tiêm là 523 đối tượng chiếm 93,4%.

3.3. Các yếu tố liên quan đến tỷ lệ tiêm vaccine HPV ở nữ học sinh phổ thông

Bảng 2. Một số yếu tố liên quan giữa đặc điểm chung và tỷ lệ tiêm vaccine HPV của đối tượng

Nội dung		Đã tiêm	Chưa tiêm	OR	p
Tuổi	Dưới 18 tuổi	20 (5,4%)	349 (94,6%)	0,59 (0,3-1,15)	0,116
	Bằng hoặc trên 18 tuổi	17 (8,9%)	174 (91,1%)		
Kinh tế	Nghèo/Cận nghèo	1 (5,0%)	19 (95,0%)	0,73 (0,96-5,66)	0,768
	Không nghèo	36 (6,7%)	504 (93,3%)		
Tình trạng khám sức khỏe hoặc khám phụ khoa của đối tượng	Có	8 (13,8%)	50 (86,2%)	2,61 (1,13-6,02)	0,02
	Không	29 (5,8%)	473 (94,2%)		
Tình trạng đối tượng nghe các thông tin về vaccine HPV phòng bệnh ung thư cổ tử cung	Có được nghe thông tin	28 (10,7%)	234 (89,3%)	3,84 (1,78-8,3)	<0,001
	Không được nghe thông tin	9 (3,0%)	289 (97,0%)		

Nội dung		Đã tiêm	Chưa tiêm	OR	p
Kiến thức chung	Kiến thức chung đúng	14 (7,8%)	166 (92,2%)	1,31	0,443
	Kiến thức chung chưa đúng	23 (6,1%)	357 (93,9%)	(0,66-2,61)	
Thái độ chung	Thái độ chung đúng	22 (7,2%)	284 (92,8%)	1,23	0,543
	Thái độ chung chưa đúng	15 (5,9%)	239 (94,1%)	(0,63-2,43)	
Tình trạng đối tượng có được tư vấn về tiêm vaccine HPV	Được tư vấn	27 (23,1%)	90 (76,9%)	0,08	<0,001
	Không được tư vấn	10 (2,3%)	433 (97,7%)	(0,04-0,17)	
Tiền sử gia đình có người mắc HPV	Có	2 (22,2%)	7 (77,8%)	4,21	0,057
	Không	35 (6,4%)	516 (93,6%)	(0,84-21,04)	

Nhận xét: Tỷ lệ tiêm vaccine HPV không khác biệt ý nghĩa giữa nhóm dưới 18 tuổi và trên 18 tuổi (OR = 0,587). Kinh tế gia đình không ảnh hưởng đáng kể đến tỷ lệ tiêm (OR = 0,737). Khám sức khỏe ít được chú trọng làm tỷ lệ tiêm thấp (OR = 0,02). Nghe thông tin về vaccine có ý nghĩa thống kê mạnh, tăng khả năng tiêm (OR = 3,842). Tư vấn về vaccine cũng là yếu tố quan trọng với OR cao (12,99), trong khi các yếu tố khác không có ý nghĩa thống kê rõ rệt. Kiến thức chung chưa đúng so với tỷ lệ chưa tiêm vaccine HPV cao với OR là 1,309. Không có sự khác biệt thống kê giữa nhóm có và không có thái độ đúng so với tỷ lệ chưa tiêm vaccine HPV OR là 1,234. Gia đình có người mắc HPV nhưng không tiêm vaccine chiếm 77,8% còn OR là 4,212.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Tỷ lệ tiêm ngừa vaccine HPV của nữ học sinh phổ thông tại huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

Nghiên cứu tại huyện Châu Thành, An Giang cho thấy tỷ lệ nữ sinh THPT tiêm vaccine HPV rất thấp chỉ 6,6%, trong đó 3,5% tiêm tại bệnh viện, 1,6% tại trung tâm y tế, 1,1% tại cơ sở tư nhân, và 0,4% tại trường học. Hầu hết được cha mẹ khuyến khích, với đa số đã tiêm đủ 3 mũi, còn lại một số tiêm 1-2 mũi, chủ yếu do đang trong lịch tiêm hoặc quên lịch. Trong 523 học sinh chưa tiêm, nguyên nhân chính gồm: chưa biết về vaccine (41,6%), thiếu thông tin (20,9%), phụ thuộc gia đình (18,6%), giá thành cao (17,5%), sợ đau (15,4%), không biết nơi tiêm (15,2%), và lo ngại tác dụng phụ (14,3%). Tuy nhiên, 97,1% mong muốn tiêm trong tương lai.

So sánh với nghiên cứu khác: Tỷ lệ tiêm trong nghiên cứu này (6,6% ở nữ sinh THPT) thấp hơn Dương Mỹ Linh (33,8% ở sinh viên ĐH Y Dược Cần Thơ, 2024) [4], Vũ Ngọc Hà (22,3% ở sinh viên ĐH Y dược, ĐH Quốc gia Hà Nội, 2022) [5] và Wei-Chen Tung (38,3% ở sinh viên người Trung Quốc tại Mỹ, 2019) [6]. Sự chênh lệch cho thấy điều kiện kinh tế, y tế tốt hơn giúp sinh viên tiếp cận vaccine dễ dàng hơn. Tuy nhiên, dù nhu cầu cao, rào cản về thông tin, tài chính và nhận thức vẫn hạn chế tỷ lệ tiêm. Cần tăng cường truyền thông và cải thiện tiếp cận vaccine.

4.2. Một số yếu tố liên quan đến tỷ lệ tiêm ngừa

Mặc dù vaccine HPV đã được chứng minh hiệu quả trong phòng ngừa ung thư cổ tử cung, tỷ lệ tiêm chủng trong nghiên cứu này vẫn thấp, chỉ 6,6% ở nữ sinh trung học phổ thông. Con số này cao hơn nghiên cứu của Trần Tú Nguyệt (5,4% ở phụ nữ 15–49 tuổi tại TP Cần Thơ, 2021) [7] và Lê Hữu Diễm Trinh (5,3% ở nữ sinh trung học phổ thông, 2023)

[8] nhưng thấp hơn so với Dương Mỹ Linh (33,8% ở nữ sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, 2024) [4]. Nguyên nhân chính dẫn đến tỷ lệ tiêm chủng thấp là do hạn chế về kiến thức, khi chỉ (32,1%) nữ sinh hiểu đúng về vaccine HPV. Bên cạnh đó, khả năng tiếp cận thông tin còn hạn chế (41,79%) và tỷ lệ có thái độ đúng cũng chỉ đạt (54,6%), thấp hơn so với một số nghiên cứu khác. Ngoài ra, sự thiếu quan tâm từ gia đình, chi phí vaccine cao và điều kiện kinh tế - giáo dục ở khu vực nông thôn cũng là những rào cản đáng kể. Kết quả nghiên cứu cũng tương đồng với nghiên cứu của Vũ Ngọc Hà (2022), cho thấy sinh viên không tiêm vaccine chủ yếu do giá thành cao (59,1%), không biết nơi tiêm (24,6%), không quan hệ tình dục (3,4%) và cho rằng không cần thiết (2,5%) [5]. Điều này phản ánh rõ ràng chi phí đắt đỏ và hạn chế trong tiếp cận thông tin là hai rào cản chính. Do đó, cần tăng cường truyền thông, giáo dục sức khỏe để nâng cao nhận thức, thúc đẩy thái độ tích cực và xem xét các chính sách hỗ trợ tài chính như trợ giá hoặc cung cấp vaccine miễn phí nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc tiếp cận vaccine HPV.

V. KẾT LUẬN

Tỷ lệ tiêm vaccine HPV phòng ngừa ung thư cổ tử cung trong nghiên cứu còn thấp (6,6%). Một số yếu tố có liên quan đến tỷ lệ tiêm gồm độ tuổi, tình trạng kinh tế, kiến thức, thái độ, khả năng tiếp cận thông tin và tư vấn về vaccine. Đáng chú ý, học sinh có được tư vấn hoặc tiếp cận thông tin về vaccine có tỷ lệ tiêm cao hơn đáng kể. Ngoài ra, yếu tố gia đình, đặc biệt là có người thân mắc HPV, cũng có ảnh hưởng nhất định đến quyết định tiêm chủng. Kết quả nghiên cứu nhấn mạnh sự cần thiết của việc tăng cường truyền thông, giáo dục sức khỏe và các chính sách hỗ trợ nhằm nâng cao nhận thức và tỷ lệ tiêm vaccine HPV trong học sinh nữ phổ thông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. HCDC. Những điều cần biết về HPV (Human Papilloma Virus). HCDC.vn, Cập nhật ngày 14/10/2020. Truy cập: <https://hcdc.vn/nhung-dieu-can-biet-ve-hpv>.
 2. Ngô Thị Huyền. Kiến thức, thái độ và sự tuân thủ tiêm phòng vaccine HPV của sinh viên điều dưỡng và y đa khoa Đại học Đại Nam. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2023. 529(2), 253-254.
 3. Lê Hữu Diễm Trinh. Thực hành và các yếu tố liên quan đến việc tiêm ngừa vắc xin HPV ở học sinh trung học phổ thông Long Mỹ tại xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang năm 2023. *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*. 2024. 72, 54-60. <https://doi.org/10.58490/ctump.2024i72.2395>.
 4. Dương Mỹ Linh và cộng sự. Kiến thức, thái độ và thực hành tiêm ngừa vaccine HPV ở nữ sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2022. *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*. 2024. 71, 61-67. <https://doi.org/10.58490/ctump.2024i71.2280>.
 5. Hà, V. N., Trung, N. T., Truyền, N. D., Tâm, N. Q., Hòa, V. T., & Tuấn, M. Đ. Thực trạng tiêm vắc-xin phòng ung thư cổ tử cung của nữ sinh viên Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2022. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2023. 531(2), 71, <https://doi.org/10.51298/vmj.v531i2.7131>.
 6. Tung, W. C., Lu, M., Qiu, X., & Ervin, S. Human papillomavirus knowledge, attitudes, and vaccination among Chinese college students in the United States. *Vaccine*. 2019. 37(24), 3199-3204. <https://doi.org/10.1016/j.vaccine.2019.04.084>.
 7. Nguyệt, T. T., & Ngọc, P. T. T. Kiến thức, thực hành tiêm vắc xin HPV phòng ngừa ung thư cổ tử cung và một số yếu tố liên quan ở phụ nữ 15-49 tuổi tại Thành phố Cần Thơ năm 2020-2021. 2021. *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*, (43), 268 - 269.
 8. Lê, H. D. T., Nguyễn, T. A., Võ, T. N., Nguyễn, H. N., và Trần, T. N. Thực hành và các yếu tố liên quan đến việc tiêm ngừa vắc xin HPV ở học sinh trung học phổ thông Long Mỹ tại Thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang năm 2023. *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*. 2024. 72, 58. <https://doi.org/10.58490/ctump.2024i72.2395>.
-